

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2022

V/v: tranh chấp yêu cầu không công
nhận vợ chồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Miện

2/ Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp
Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Ngô
Thị Tươi- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện
Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2021/TLST-HNGĐ
ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2022/QĐXX- ST ngày 19 tháng 04
năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Thắng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc
Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Thắng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc
Giang.

Anh Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng
như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Trịnh Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc
T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Mặc dù vợ chồng được tổ chức
lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng chị và anh T không tiến hành đăng ký kết
hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu có hòa thuận hạnh phúc, sau đó năm 2021 thì phát
sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vợ chồng không hợp nhau. Bất

đồng quan điểm sống về mọi mặt. Chị đã ra ngoài ở riêng từ năm 2021 đến Ny. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không T. Ny chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Chị đề nghị tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Ngọc Minh, sinh ngày 01/6/1998. Hiện Ny con chung đã trưởng T, có khả năng lao động. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh là anh Nguyễn Ngọc T : Anh và chị Trịnh Thị N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Khi đó vợ chồng được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Tuy nhiên anh và chị N không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã. Sau khi cưới vợ chồng về đoàn tụ ngay và chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là so chị N tự ý bỏ nhà đi mà không nói gì với ai. Sau khi chị N bỏ đi anh có đón chị N về nhưng chị N không về. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được. Ny chị N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh thì anh đồng ý. Anh cũng đề nghị tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị N.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là: Nguyenx Ngọc Minh, sinh ngày 01/6/199. Hiện Ny cả hai con đã trưởng T, có khả năng lao động. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Anh xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trinh Thị N không công nhận vợ chồng giữa chị Trinh Thị N và anh Nguyễn Ngọc T

Về con chung: Chị N, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác : Không giải quyết

Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Trinh Thị N, yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Ngọc T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố Phúc Thắng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân:* chị Trinh Thị N và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ đó cho đến nay ngày một tăng lên. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị N trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vì vậy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, còn anh T cho rằng chị N tự ý bỏ đi mà không nói gì với anh. Nay cả chị N và anh T cùng xác định tình cảm không còn và cùng đề nghị Tòa án không công nhận chị với anh T là vợ chồng là có cơ sở vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc chị N và anh T không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Như vậy việc kết hôn giữa chị Trinh Thị N và anh Nguyễn Ngọc T đã không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Căn cứ điều 14;5 và Điều 53 – Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị N không công nhận chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: cả chị N và anh T đều xác định quá trình chung sống chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh, sinh ngày 01/6/1998. Hiện Ný cả hai con đã trưởng T, có khả năng lao động. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung cho nên tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*: Chị N, anh T đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét và giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: chị Trịnh Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 9; Điều 14, Điều 15; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N Không công nhận chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007764 ngày 20/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Trịnh Thị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông đạt bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Hanh Lê Thanh Miện

Hoàng Thị Hương Lan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN

